**MÔN NGỮ VĂN – LỚP 10**

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng**  **% điểm** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Thơ | **3** | **0** | **4** | **1** | **0** | **2** | **0** | **0** | **60** |
| **2** | **Viết** | Viết được một văn bản nghị luận về tác phẩm thơ. | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 40 |
| **Tổng** | | | ***15*** | ***5*** | ***25*** | ***15*** | ***0*** | ***30*** | ***0*** | ***10*** | **100** |
| **Tỉ lệ %** | | | **20%** | | **40%** | | **30%** | | **10%** | |
| **Tỉ lệ chung** | | | **60%** | | | | **40%** | | | |

**BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I**

Thời gian làm bài: 90 phút

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/ Chủ đề** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| 1 | Đọc hiểu | Thơ | **Nhận biết:**  - Nhận biết được thể thơ, từ ngữ, vần, nhịp, các biện pháp tu từ trong bài thơ.  - Nhận biết được phong cách ngôn ngữ, phương thức biểu đạt.  - Nhận biệt được bố cục, những hình ảnh tiểu biểu, các yếu tố tự sự, miêu tả được sử dụng trong bài thơ.  **Thông hiểu:**  - Hiểu và lí giải được tình cảm, cảm xúc của nhân vật trữ tình được thể hiện qua ngôn ngữ văn bản.  - Hiểu được nội dung chính của văn bản.  - Rút ra được chủ đề, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc.  - Hiểu được giá trị biểu đạt của từ ngữ, hình ảnh, vần, nhịp, biện pháp tu từ…  **Vận dụng:**  - Trình bày được những cảm nhận sâu sắc và rút ra được những bài học ứng xử cho bản thân.  - Đánh giá được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua cách nhìn riêng về con người, cuộc sống; qua cách sử dụng từ ngữ, hình ảnh, giọng điệu. | **3 TN** | **4 TN 1 TL** | **2 TL** | 0 |
| 2 | Viết | Viết bài văn nghị luận về tác phẩm thơ. | **Nhận biết:**  **Thông hiểu:**  **Vận dụng:**  **Vận dụng cao:**  Viết được một văn bản nghị luận về một tác phẩm thơ. | 1\* | 1\* | 1\* | 1TL |
| **Tổng** | | |  | 3TN | 4TN  1TL | 2TL | 1TL |
| **Tỉ lệ %** | | |  | 20 | 40 | 30 | 10 |
| **Tỉ lệ chung** | | |  | 60 | | 40 | |

* **Ghi chú:** Phần viết có 01 câu bao hàm cả 4 cấp độ.

**ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ I**

**Môn: Ngữ văn - Lớp 10**

*(Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian giao đề)*

1. **ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)**

**Đọc văn bản:**

**CHÂN QUÊ**

*Hôm qua em đi tỉnh về  
Đợi em ở mãi con đê đầu làng  
Khăn nhung quần lĩnh rộn ràng  
Áo cài khuy bấm, em làm khổ tôi!*

*Nào đâu cái yếm lụa sồi?  
Cái dây lưng đũi nhuộm hồi sang xuân?  
Nào đâu cái áo tứ thân?  
Cái khăn mỏ quạ, cái quần nái đen?*

*Nói ra sợ mất lòng em  
Van em em hãy giữ nguyên quê mùa  
Như hôm em đi lễ chùa  
Cứ ăn mặc thế cho vừa lòng anh!*

*Hoa chanh nở giữa vườn chanh  
Thầy u mình với chúng mình chân quê  
Hôm qua em đi tỉnh về  
Hương đồng gió nội bay đi ít nhiều.*

*(****Nguyễn Bính – Thơ và đời***, NXB Văn học, 2003)

**Lựa chọn đáp án đúng:**

**Câu 1**. Văn bản trên thuộc phong cách ngôn ngữ gì?

A. Phong cách ngôn ngữ sinh hoạt.

B. Phong cách ngôn ngữ chính luận.

C. Phong cách ngôn ngữ nghệ thuật.

D. Phong cách ngôn ngữ báo chí.

**Câu 2**. Phương thức biểu đạt chính của văn bản là

A. nghị luận.

B. tự sự.

C. miêu tả.

D. biểu cảm.

**Câu 3**. Văn bản trên được viết theo thể thơ gì?

A. Lục bát.

B. Bảy chữ.

C. Tự do.

D. Thất ngôn bát cú Đường luật.

**Câu 4**. Ý nào **đúng nhất** khi nói về nội dung hai câu thơ ***“Khăn nhung quần lĩnh rộn ràng/ Áo cài khuy bấm, em làm khổ tôi”***?

A. Tác giả cảm thấy đau buồn, xót xa về sự thay đổi cách ăn mặc xa hoa, đua đòi, đánh mất vẻ đẹp giản dị của cô gái.

B. Khăn nhung, quần lĩnh, áo cài khuy bấm là trang phục giản dị, truyền thống.

C. Tác giả đau khổ vì cô gái đã thay đổi.

D. Tác giả xao xuyến trước vẻ đẹp, cách ăn mặc mới mẻ của cô gái.

**Câu 5**. Nội dung chính của văn bản trên là

A. Tình yêu đơn phương sâu sắc của chàng trai dành cho cô gái.

B. Chàng trai đau khổ khi cô gái đã thay lòng, đổi dạ.

C. Chàng trai ngỡ ngàng trước sự thay đổi và mong muốn người yêu hãy giữ lấy những nét đẹp thuần phác.

D. Chàng trai bày tỏ sự quan tâm, yêu thương, lo lắng cho người con gái mình yêu.

**Câu 6**. Sử dụng phép liệt kê kết hợp với câu hỏi tu từ trong đoạn thơ ***“Nào đâu cái yếm lụa sồi? Cái dây lưng đũi nhuộm hồi sang xuân? Nào đâu cái áo tứ thân? Cái khăn mỏ quạ, cái quần nái đen?”*** có tác dụng:

1. Nhấn mạnh sự thay đổi trong cách ăn mặc của cô gái.
2. Nhấn mạnh tâm trạng xót xa, trách móc của chàng trai.
3. Nhấn mạnh sự thay đổi trong cách ăn mặc của cô gái làm mất đi cái gốc mộc mạc, đằm thắm và tâm trạng xót xa, trách móc của chàng trai.
4. Nhấn mạnh sự tiếc nuối của chàng trai vì cô gái đã không còn như trước.

**Câu 7. Bài thơ gửi gắm thông điệp:**

A. Khuyên con người nên chạy theo những cái mới mẻ, hiện đại, không cần giữ gìn truyền thống.

B. Mong muốn thiết tha giữ gìn vẻ đẹp truyền thống của quê hương và nét đẹp mộc mạc, đơn sơ, bình dị của con người.

C. Luôn đề cao vẻ đẹp truyền thống.

D. Đề cao sự chung thủy trong tình yêu đôi lứa.

**Trả lời câu hỏi/ thực hiện yêu cầu:**

**Câu 8:** Qua bài thơ, anh/chị hiểu nghĩa của từ **“chân quê”** như thế nào?

**Câu 9:** Nêu khái quát tâm trạng của nhân vật trữ tình trong bài thơ.

**Câu 10:** Từ bài thơ, anh/chị có suy nghĩ gì về việc giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc?

1. **VIẾT (4.0 điểm)**

**Đọc đoạn trích:**

*“Sao anh không về chơi thôn Vĩ?*

*Nhìn nắng hàng cau nắng mới lên.*

*Vườn ai mướt quá, xanh như ngọc*

*Lá trúc che ngang mặt chữ điền.*

*Gió theo lối gió, mây đường mây,*

*Dòng nước buồn thiu, hoa bắp lay...*

*Thuyền ai đậu bến sông trăng đó,*

*Có chở trăng về kịp tối nay?...”*

( Trích “***Đây thôn Vĩ Dạ***”, Hàn Mặc Tử)

**Thực hiện yêu cầu:**

Anh/ chị hãy viết một bài văn nghị luận (khoảng 500 chữ) trình bày ấn tượng của mình về hai khổ thơ trên.

**ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM**

**Môn: Ngữ văn lớp 10**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **6,0** |
|  | **1** | C | 0,5 |
| **2** | D | 0,5 |
| **3** | A | 0,5 |
| **4** | A | 0,5 |
| **5** | C | 0,5 |
| **6** | C | 0,5 |
| **7** | B | 0,5 |
| **8** | Qua bài thơ, nghĩa của từ “chân quê”: vẻ đẹp mộc mạc, đằm thắm, giản dị, chân chất  ***Hướng dẫn chấm:***  *- Học sinh trả lời đúng như đáp án: 0,5 điểm.*  *- Học sinh trả lời đúng từ 2 đến 3 từ: 0,25 điểm.*  *- Học sinh trả lời không đúng hoặc chỉ đúng 1 từ: 0,0 điểm.* | 0,5 |
| **9** | Tâm trạng của nhân vật trữ tình trong bài thơ: *Bồn chồn, mong đợi người yêu; bất ngờ đến ngỡ ngàng trước sự thay đổi trong cách ăn mặc của cô gái; trách móc, xót xa, tiếc nuối trước sự thay đổi ấy; mong muốn, nhắc nhở người mình yêu gìn giữ vẻ đẹp truyền thốn*g.  ***Hướng dẫn chấm:***  *- Học sinh trả lời tương đương như đáp án hoặc trả lời đúng 3 ý: 1,0 điểm.*  *- Học sinh trả lời đúng 1 ý: 0,25 điểm.*  *- Học sinh trả lời có nội dung phù hợp nhưng diễn đạt chưa tốt: 0,25 điểm.*  *- Học sinh trả lời không thuyết phục hoặc không trả lời: 0,0 điểm.*  ***\* Lưu ý:*** *Học sinh có thể trả lời khác đáp án nhưng thuyết phục, diễn đạt nhiều cách miễn hợp lý là chấp nhận được.* | 1.0 |
| **10** | Suy nghĩ về việc giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc:  *- Mỗi dân tộc đều có bản sắc văn hóa riêng, là giá trị cốt lõi, căn bản của dân tộc được hình thành qua thời gian dài. Vì vậy, mỗi người phải có ý thức và trách nhiệm trong việc giữ gìn.*  *- Giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc phải có bản lĩnh văn hóa, một mặt phát huy những giá trị của văn hóa dân tộc, mặc khác biết tiếp thu có chọn lọc văn hóa của các dân tộc khác trên thế giới để làm giàu cho văn hóa nước nhà.*  ***Hướng dẫn chấm:***  *- Học sinh trả lời tương đương như đáp án: 1,0 điểm.*  *- Học sinh trả lời có nội dung phù hợp nhưng diễn đạt chưa tốt: 0,75 điểm.*  *- Học sinh trả lời đúng 1 ý trong đáp án: 0.5 điểm.*  *- Học sinh trả lời không thuyết phục hoặc không trả lời: 0,0 điểm.*  ***\* Lưu ý:*** *Học sinh có thể trả lời khác đáp án nhưng thuyết phục, diễn đạt nhiều cách miễn hợp lý là chấp nhận được.* | 1.0 |
| **II** |  | **VIẾT** | **4,0** |
|  | *a*. *Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận*  Mở bài nêu được vấn đề, thân bài triển khai được vấn đề, kết bài khái quát được vấn đề | 0,25 |
|  | *b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận:*  Ấn tượng về vẻ đẹp nội dung và nghệ thuật của hai khổ thơ.  ***Hướng dẫn chấm:***  *- Học sinh xác định đúng vấn đề cần nghị luận: 0,25 điểm.*  *- Học sinh xác định chưa đúng vấn đề cần nghị luận: 0,0 điểm.* | 0,25 |
|  | *c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm*  Học sinh có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng. Dưới đây là một vài gợi ý cần hướng tới: | 2.0 |
|  | - Về nội dung:  + Khổ 1: Vẻ đẹp hài hòa giữa thiên nhiên và con người thôn Vĩ buổi ban mai. Tâm trạng yêu đời, yêu thiên nhiên, cuộc sống của nhân vật trữ tình.  + Khổ 2: Vẻ đẹp mây trời, sông nước xứ Huế từ chiều về đêm. Tâm trạng âu lo, dự cảm mơ hồ về sự chia lìa.  - Về nghệ thuật: ngôn ngữ điêu luyện; bút pháp vừa lãng mạn vừa tượng trưng; kết hợp nhuần nhuyễn các biện pháp tu từ: câu hỏi tu từ, so sánh, nhân hóa…  ***Hướng dẫn chấ m:***  *- Phân tích đầy đủ, sâu sắc: 2,0 điểm.*  *- Phân tích chưa đầy đủ hoặc chưa sâu: 1,0 điểm – 1,75 điểm.*  *- Phân tích chung chung, sơ sài: 0,25 điểm – 0,75 điểm.*  **.** |
|  | - Đánh giá chung:  Đây thôn Vĩ Dạ tiêu biểu cho phong cách thơ Hàn Mặc Tử; thể hiện vẻ đẹp của thiên nhiên và con người xứ Huế; khẳng định niềm khao khát tình người, tình đời.  ***Hướng dẫn chấm:***  *- Trình bày tương đương như đáp án hoặc đúng 2 ý: 0,5 điểm.*  *- Trình bày được 1 ý: 0,25 điểm.* | 0,5 |
|  | *d. Chính tả, ngữ pháp*  Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.  ***Hướng dẫn chấm:*** *Không cho điểm nếu bài làm có quá nhiều lỗi chính tả, ngữ pháp.* | 0,5 |
|  | *e. Sáng* tạo: Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ. | 0,5 |
| I + II |  |  | **10** |